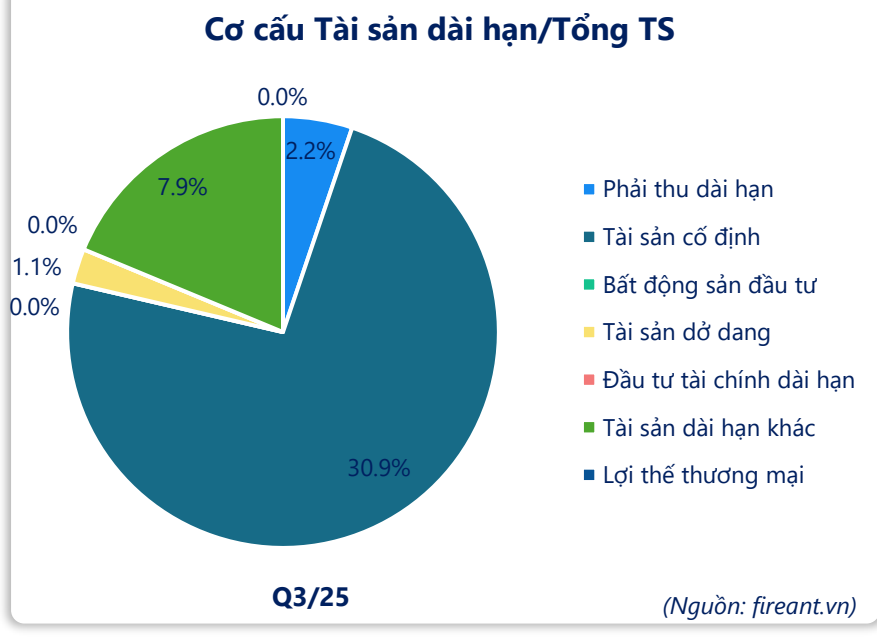
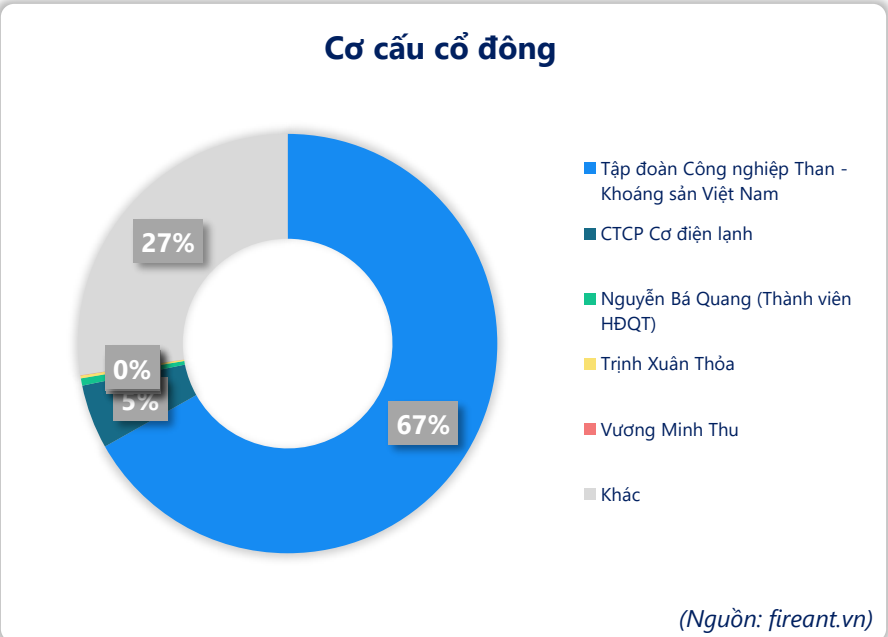
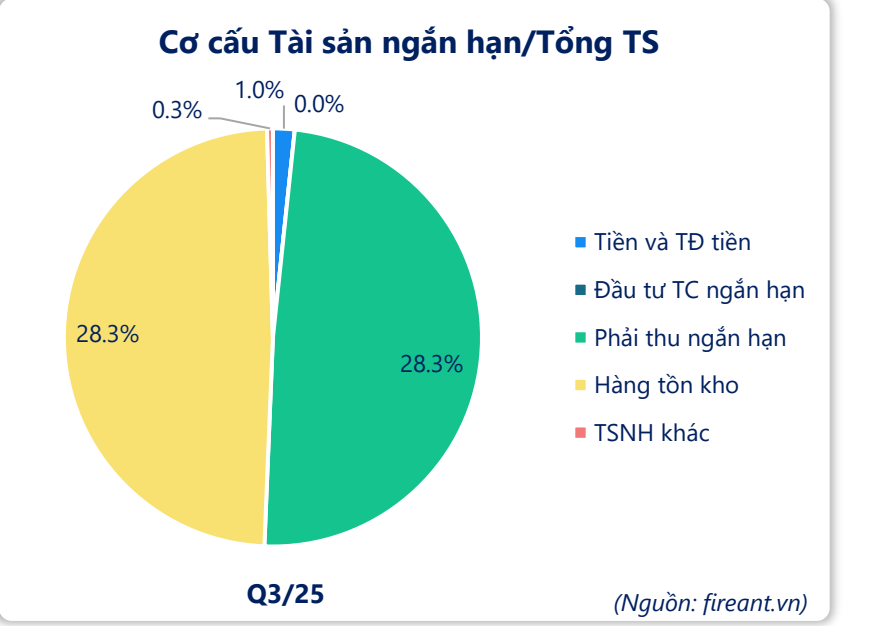
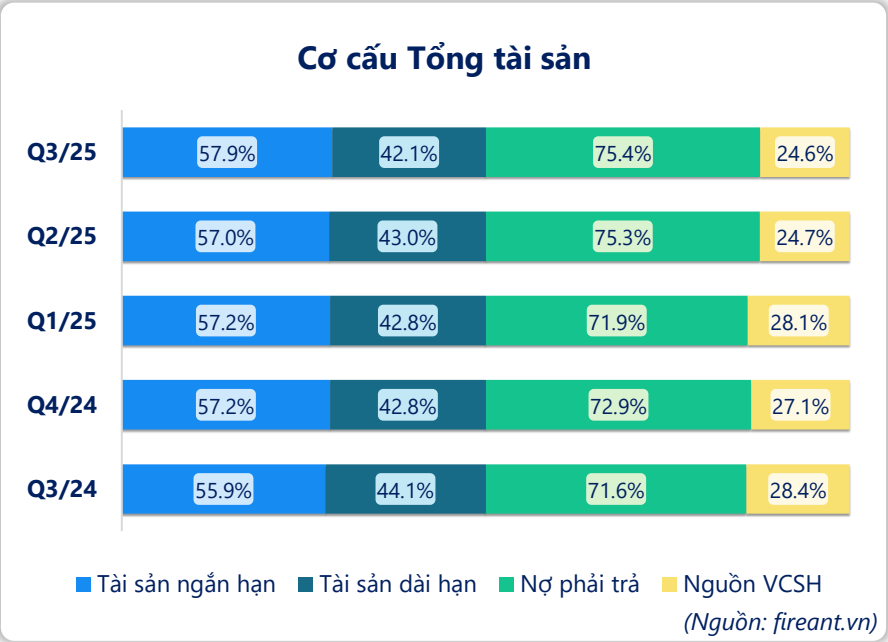
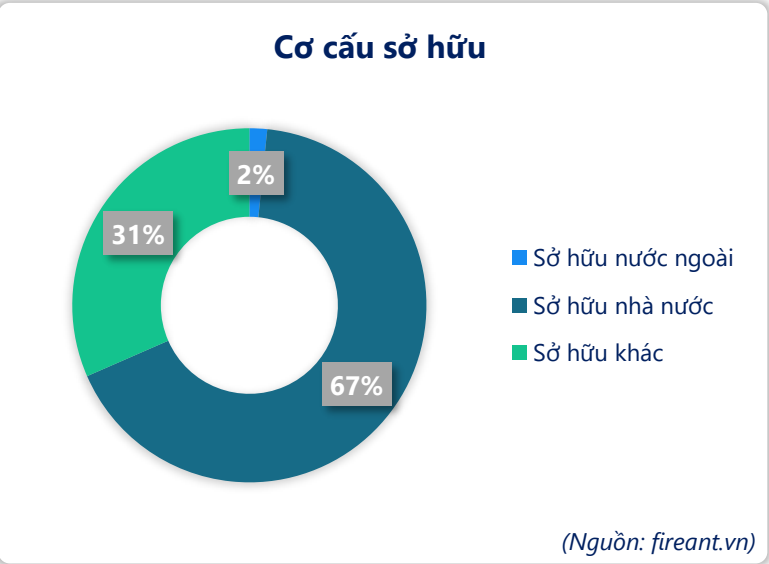
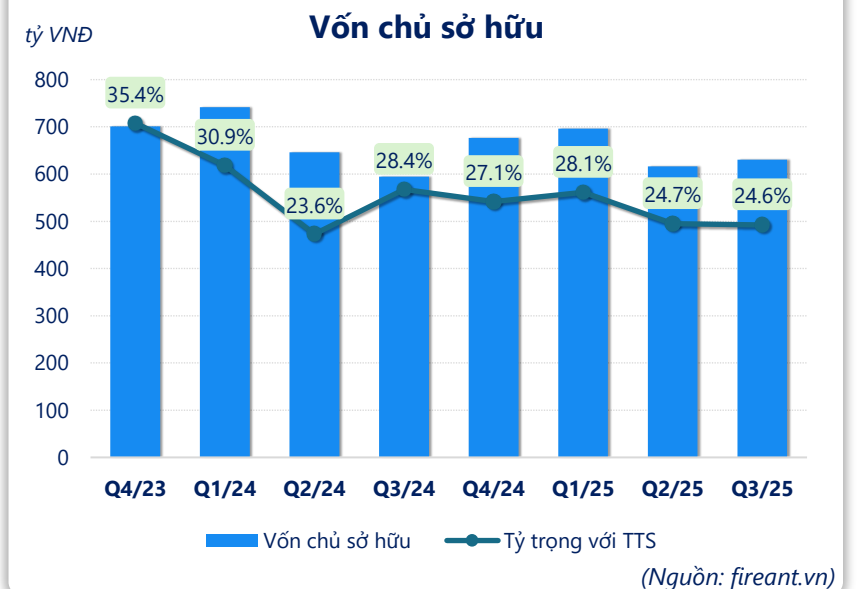
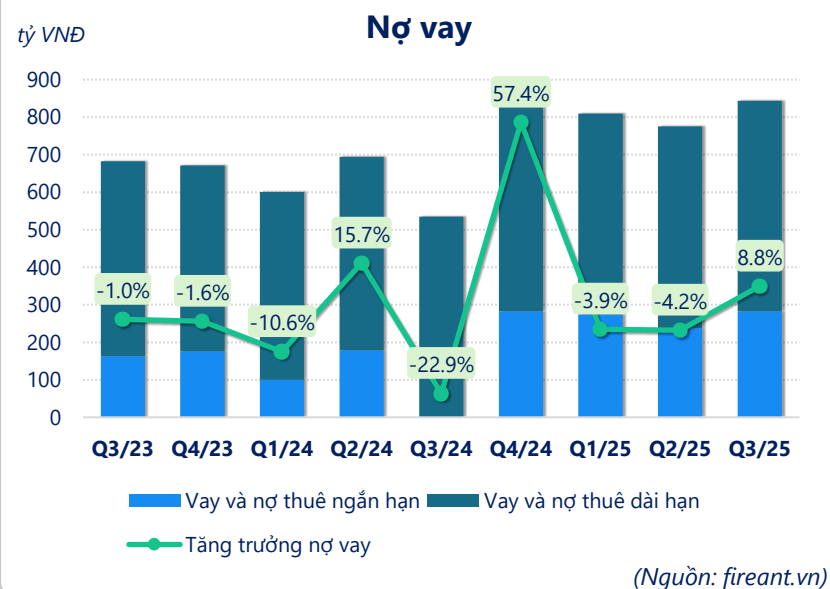
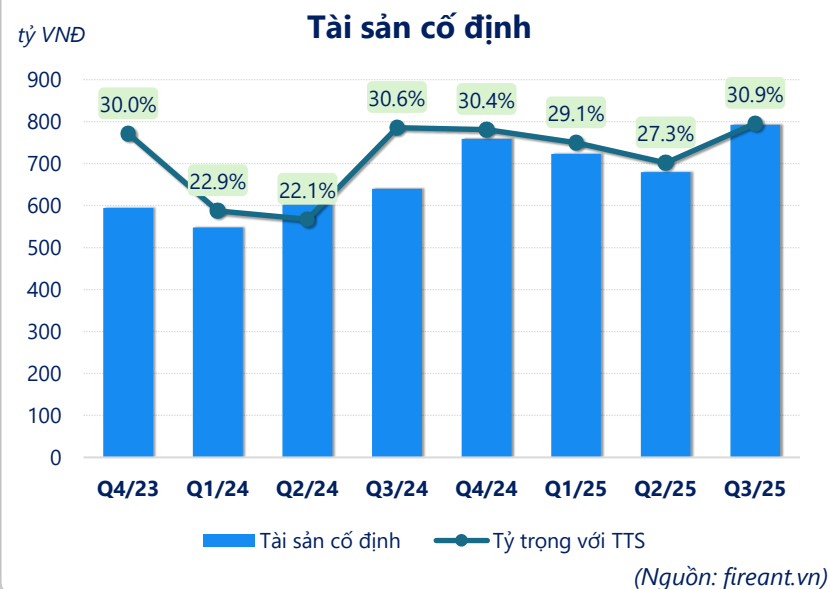
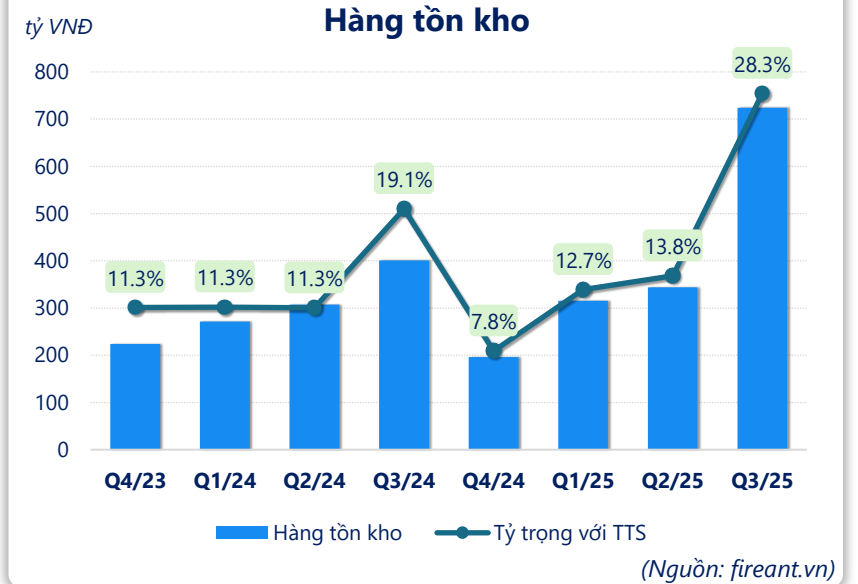
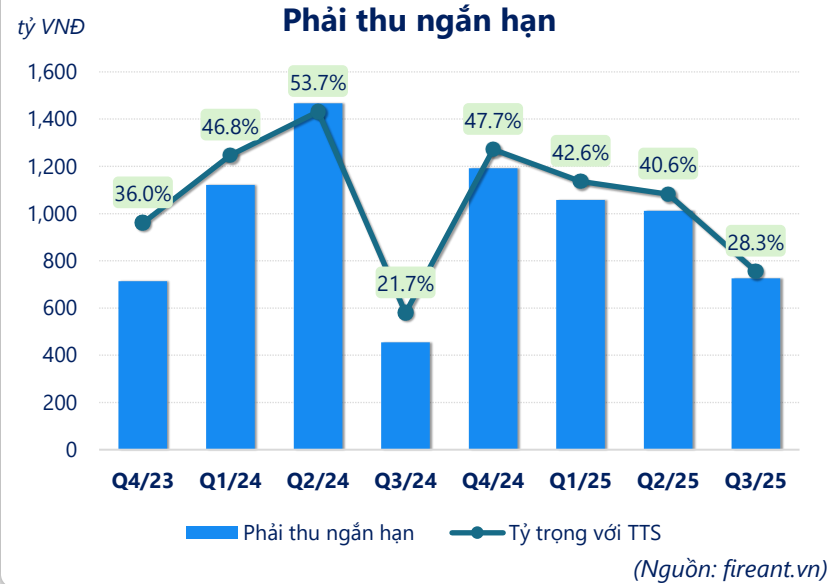
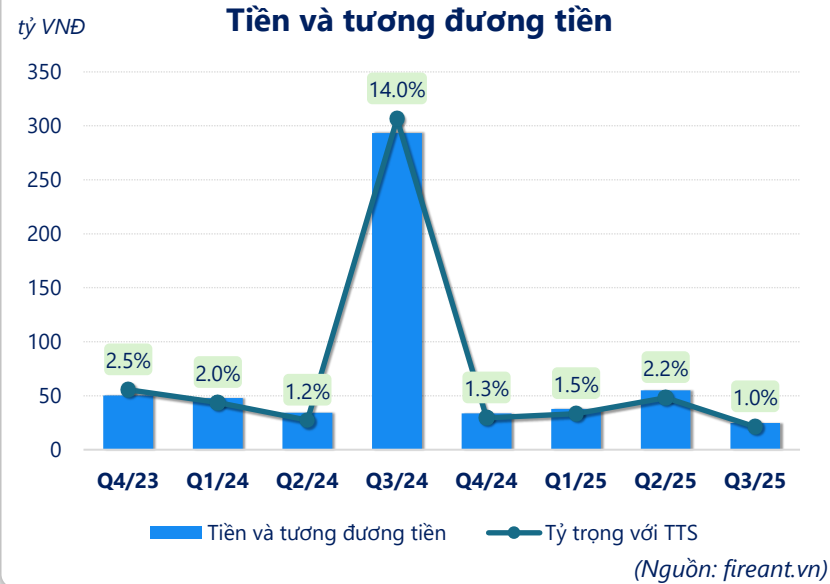
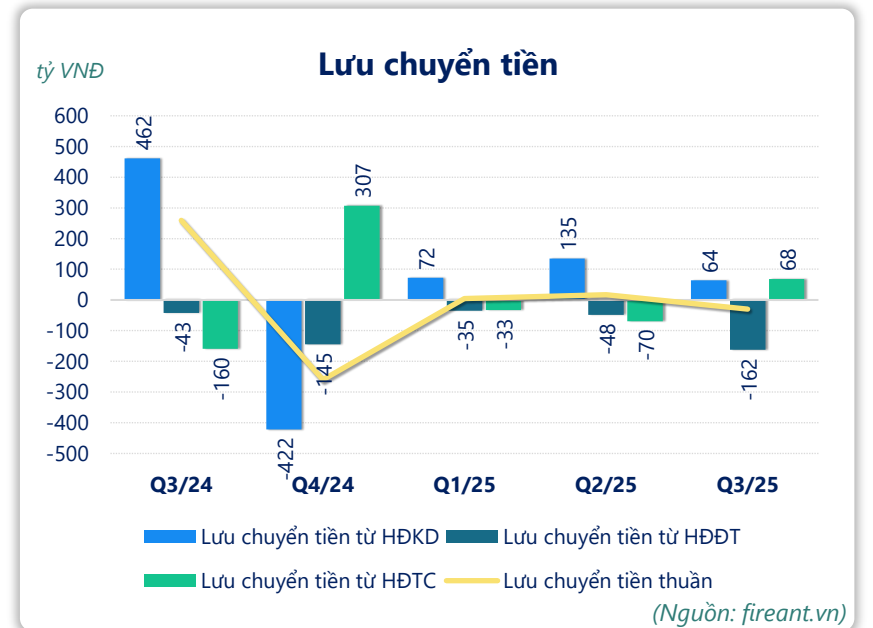
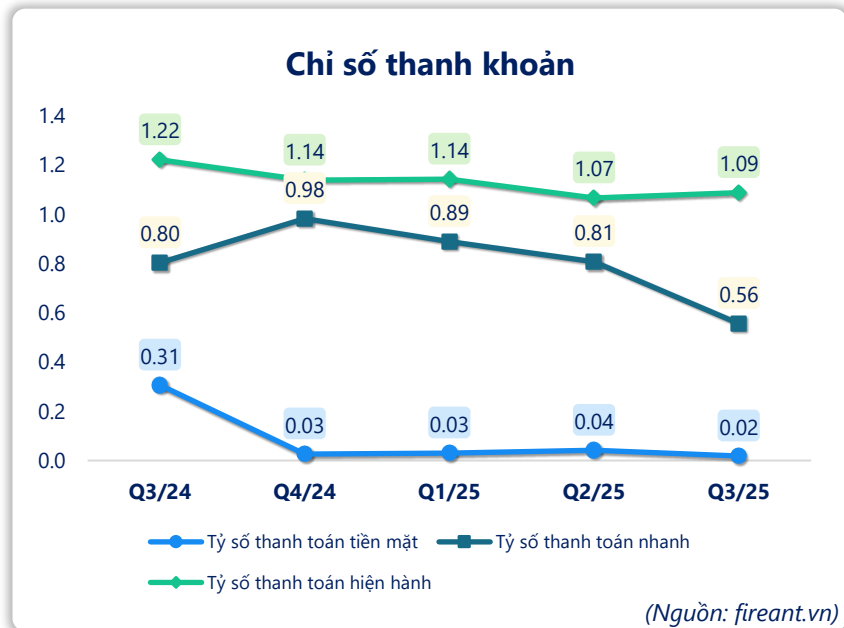
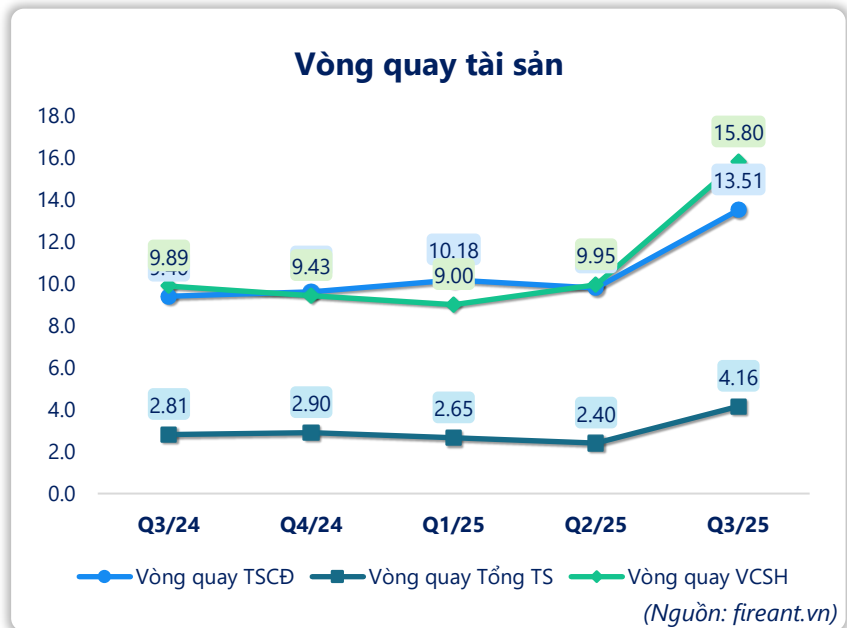
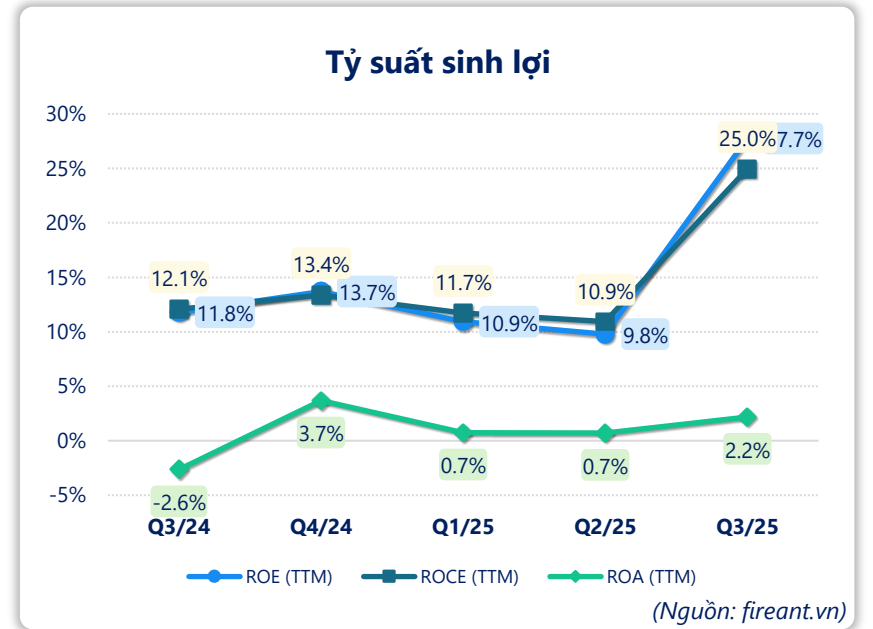
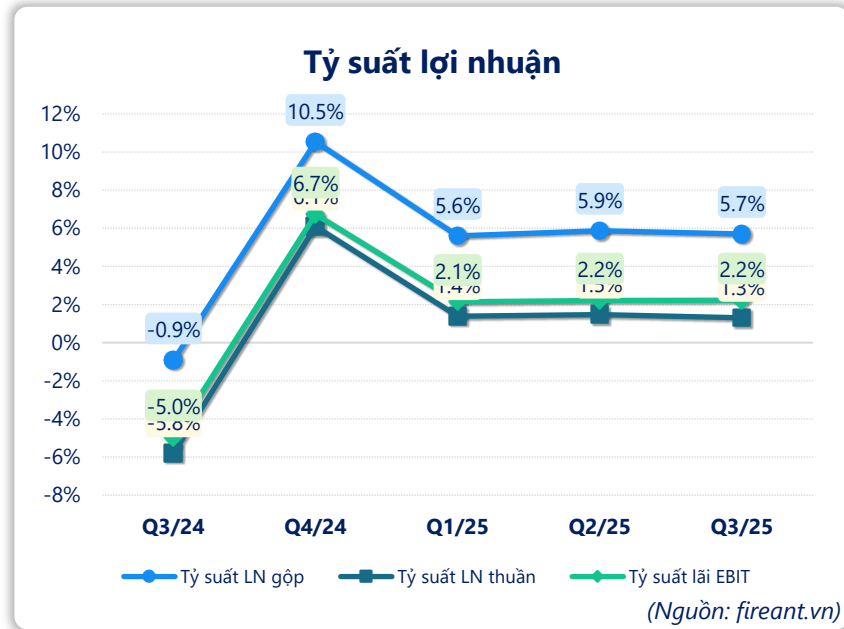
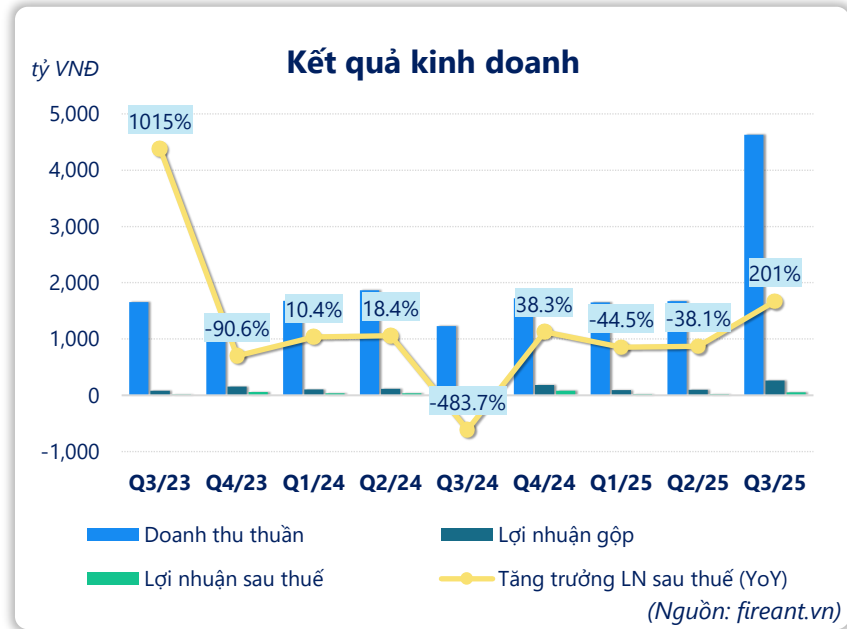


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,468
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,304
SL cổ phiếu LH		44,962,864
KLGD BQ 20 phiên (CP)		16,280
% sở hữu nước ngoài		1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		463
P/E		2.7
EPS		3,778

	YTD	1T	3T	6T
TVD	0.6%	-1.9%	-2.8%	-10.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,560	2,472	3.5%
Tài sản ngắn hạn	1,481	1,403	5.6%
Tiền và tương đương tiền	24.8	33.6	-26.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	725	1,165	-37.7%
Hàng tồn kho	724	195	270%
Tài sản ngắn hạn khác	6.71	8.20	-18.2%
Tài sản dài hạn	1,078	1,070	0.8%
Phải thu dài hạn	56.0	49.4	13.4%
Tài sản cố định	792	759	4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	28.4	63.9	-55.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	202	197	2.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,929	1,794	7.5%
Nợ ngắn hạn	1,361	1,228	10.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	282	282	0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	506	503	0.6%
Nợ dài hạn	568	567	0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	561	560	0.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	630	678	-7.0%
Vốn chủ sở hữu	630	678	-7.0%
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,231	1,724	1,649	1,674	4,627
Giá vốn hàng bán	1,242	1,542	1,557	1,576	4,363
Lợi nhuận gộp	-11.4	182	92.4	98.4	264
Doanh thu HĐTC	0.43	0.43	0.45	0.46	1.36
Chi phí TC	10.2	11.8	12.4	13.1	37.9
Chi phí lãi vay	10.2	11.8	12.4	13.1	37.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.77	4.79	3.97	3.93	11.0
Chi phí QLDN	47.4	60.5	53.5	57.1	156
LN thuần từ HĐKD	-71.4	105	23.0	24.7	60.5
Lợi nhuận khác	0.03	-0.80	-0.06	-0.69	4.42
LN trước thuế	-71.3	104	22.9	24.0	65.0
Lợi nhuận sau thuế	-57.3	82.5	18.2	18.4	50.8
LNST của CĐ cty mẹ	-57.3	82.5	18.2	18.4	50.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	462	-422	72.2	135	63.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-42.7	-145	-35.1	-48.1	-162
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-160	307	-32.8	-69.8	68.2
Tiền đầu kỳ	34.1	293	33.6	37.9	54.9
Lưu chuyển tiền thuần	259	-260	4.27	17.1	-30.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	293	33.6	37.9	54.9	24.8

(Nguồn: fireant.vn)